

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Quen

Ông Trần Văn Nước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Văn S, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Thị Y, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp X, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. (xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn Trương Văn S trình bày: Sau một thời gian quen biết và tìm hiểu, năm 2000 ông và bà Lê Thị Y được hai bên gia đình cho phép tổ chức lễ cưới, sau đó chung sống với nhau như vợ chồng ở ấp C, xã H nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Hai người sống chung với nhau hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau và thường xuyên bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống hằng ngày nên ông với bà Y đã ly thân từ năm 2002 đến nay, hiện nay thì ông và bà Y đều đã có gia đình riêng. Nay ông khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Y để

làm thủ tục đăng ký kết hôn mới. Về con chung thì ông và bà Y có với nhau một người là Trương Văn Trường V, sinh năm 2001 hiện nay đã trưởng thành, ông không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung thì không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2022 bị đơn bà Lê Thị Y có ý kiến: Bà đồng ý ly hôn với ông Trương Văn S, về con chung và tài sản thì bà cũng thống nhất như nội dung đơn khởi kiện ông S.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến tại phiên tòa sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án, do ông S với bà Y sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về án phí, ông S phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Lê Thị Y cư trú tại ấp X, xã L, thị xã D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Y có đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Trương Văn S và bà Lê Thị Y chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng ông, bà lại không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc được hơn một năm thì xảy ra mâu thuẫn nên ông bà đã ly thân từ năm 2002 đến nay, hiện tại ông bà cũng đã có gia đình riêng. Hội đồng xét xử xét thấy, ông S và bà Y có đủ điều kiện kết hôn nhưng lại chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông S và bà Y.

[4] Về con chung: Xét thấy giữa ông S và bà Y có với nhau một người con chung là Trương Văn Trường V, sinh năm 2001 hiện nay đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản: Các đương sự xác nhận không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Ông Trương Văn S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Văn S và bà Lê Thị Y.
2. Về con con chung; quyền và nghĩa vụ về tài sản: Không xem xét.
3. Án phí sơ thẩm: Ông Trương Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh theo biên lai thu tiền số 0008352 ngày 08/7/2022.
4. Quyền kháng cáo: Ông Trương Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Lê Thị Y có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- Chi cục THADS thị xã Duyên Hải;
- UBND xã H và L;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tài